TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐAN PHƯỢNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 6 - 2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hùng.

Ông Bùi Văn Độ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2022/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022 về Ly hôn, tranh chấp về con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Bùi Trọng C, sinh năm 1966; Địa chỉ: Khu Phố 3, phường T, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1983; Địa chỉ: Cụm 4, xã Đ, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Bùi Trọng C trình bày*: Ông Bùi Trọng C và bà Nguyễn Thị M tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, đã được UBND phường T, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh đăng ký kết hôn ngày 12/3/2018. Vợ chồng chung sống với nhau khoảng 4 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, do thời gian tìm hiểu quá ngắn, nên chưa hiểu rõ tính cách của nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung. Bà Nguyễn Thị M đã về quê ở cụm 4, xã Đ, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội sinh sống từ tháng 8 năm 2018 cho đến nay, hai người không quan tâm đến nhau, sống ly thân. Xét thấy mục đích

hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn yêu thương chăm sóc nhau. Vì vậy, ông C đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn bà Nguyễn Thị M.

Về con chung: Ông Bùi Trọng C và bà Nguyễn Thị M không có con chung. Tuy nhiên, trong thời gian vợ chồng ly thân, ngày 25/10/2021 bà Nguyễn Thị M đã sinh 01 cháu bé trai. Ông C đề nghị Tòa án xác nhận cháu bé do bà Nguyễn Thị M sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa ông C và bà M không phải là con của ông C.

Về tài sản chung: Không có.

Về công sức, về nợ: Không có.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:* Bà Nguyễn Thị M và ông Bùi Trọng C tìm hiểu, tự nguyện kết hôn đã được Ủy ban nhân dân phường Tân Kiểng, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh đăng ký kết hôn ngày 12/3/2018. Do tìm hiểu thời gian ngắn chưa hiểu rõ về nhau, nên quá trình chung sống với nhau được khoảng 4 tháng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Từ tháng 8 năm 2018 bà Nguyễn Thị M đã chuyển về quê ở cụm 4, xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không quan tâm đến nhau. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, giữa hai người không còn tình cảm với nhau. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa bà và ông C.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Bùi Trọng C không có con chung. Tuy nhiên, năm 2021 bà M có sinh một con trai (do chưa khai sinh nên bà M tạm đặt tên cháu là Nguyễn Đức A, sinh ngày 25/10/2021). Ly hôn, bà M đề nghị Tòa án xác nhận cháu bé do bà M sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa bà M và ông C không phải là con của ông C, mà là con riêng của bà M.

Về tài sản chung: Không có.

Về công sức, về nợ: Không có.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày nêu trên. Bị đơn bà Nguyễn Thị M cũng giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 55; Điều 88; Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Bùi Trọng C và bà Nguyễn Thị M. Xác định cháu Nguyễn Đức A (tên tạm đặt), sinh ngày 25/10/2021 không phải là con của ông Bùi Trọng C mà là con riêng của bà Nguyễn Thị M. Về tài sản chung, nợ chung không phải giải quyết. Về án phí ông C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn ông Bùi Trọng C có đơn xin ly hôn với bà Nguyễn Thị M có địa chỉ cư trú tại cụm 4, xã Đ, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội xác định là quan hệ tranh chấp về ly hôn, xác định con nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng theo qui định tại khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; khoản 3 điều 36; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn, Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Bùi Trọng C theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa ông Bùi Trọng C và bà Nguyễn Thị M trên cơ sở kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 12/3/2018 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh nên xác định là hôn nhân hợp pháp theo qui định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự thể hiện: Ông Bùi Trọng C và bà Nguyễn Thị M sau khi cưới vợ chồng sống tại thành phố Hồ Chí Minh. Chung sống với nhau khoảng 4 tháng thì vợ chồng mâu thuẫn, do thời gian tìm hiểu quá ngắn, nên chưa hiểu rõ tính cách của nhau, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Bà Nguyễn Thị M đã về quê ở cụm 4, xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội sống ly thân từ tháng 8 năm 2018 đến nay. Hội đồng xét xử thấy ông C và bà M sống ly thân thời gian đã lâu. Sau khi mâu thuẫn, bà M về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Ông C, bà M thống nhất thuận tình ly hôn, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Bùi Trọng C và bà Nguyễn Thị M.

Về con chung và xác định cha, mẹ: Ngày 25/10/2021 bà Nguyễn Thị M sinh 01 con trai (tạm đặt tên là Nguyễn Đức A). Xác định cháu Nguyễn Đức A được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Bùi Trọng C và bà Nguyễn Thị M. Tuy nhiên, quá trình triều tra ông Bùi Trọng C trình bày cháu Nguyễn Đức A không phải là con chung của ông C và bà M. Bản thân bà M cũng xác nhận cháu Nguyễn Đức A không phải là con của ông Bùi Trọng C. Tại bản kết luận giám định AND số 27T05/01/22/DNA ngày 27/5/2022 của Công ty TNHH đầu tư và Công nghệ Genplus đã kết luận: "Bùi Trọng C không có quan hệ huyết thống bố - con với Nguyễn Đức Anh". Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và kết luận giám định AND nêu trên Hội đồng xét xử có căn cứ để xác định cháu Nguyễn Đức A không phải là con chung của ông Bùi Trọng C và bà Nguyễn Thị M, mà là con riêng của bà Nguyễn Thị M.

Tài sản chung, công sức, nợ: Ông C và bà M đều xác định không có, do đó Hội đồng xét xử không phải xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Ông Bùi Trọng C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 56; Điều 57; Điều 88; Điều 89 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Bùi Trọng C và bà Nguyễn Thị M.

2. Về con chung: Ông Bùi Trọng C và bà Nguyễn Thị M không có con chung.

Xác định cháu Nguyễn Đức A (tên tạm đặt), sinh ngày 25/10/2021 không phải là con chung của ông Bùi Trọng C và bà Nguyễn Thị M. Cháu Nguyễn Đức A là con riêng của bà Nguyễn Thị M.

3. Tài sản chung, về công sức, nợ chung: Không có, nên không phải giải quyết.

4. Về án phí: Ông Bùi Trọng C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002769 ngày 24/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

5. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông Bùi Trọng C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đan Phượng;
- CCTHADS huyện Đan Phượng;
- Các đương sự;
- UBND phường T, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Duy Hưng

Căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự, cũng như các tài liệu điều tra thể hiện: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Hạnh và chị Oanh xảy ra đã lâu, nguyên nhân ban đầu là mâu thuẫn giữa chị Oanh với gia đình chồng, từ đó dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Chị Oanh thừa nhận đã gần 02 năm nay vợ chồng sống ly thân, anh Hạnh không quan tâm đến chị. Mặc dù Tòa án đã phân tích, hòa giải nhiều lần để cả hai trở về đoàn tụ nhưng anh Hạnh không đồng ý, vì cho rằng hôn nhân của vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống cùng với nhau. Chị Oanh mong muốn đoàn tụ vì cho rằng thương các con, không muốn các con thiếu tình cảm của bố và của mẹ. Nhưng từ khi vợ chồng mâu thuẫn đến nay chị Oanh chưa có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, mà quan hệ giữa hai bên ngày càng trầm trọng. Xét quan hệ vợ chồng giữa anh Hạnh và chị Oanh không còn gắn bó, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt. Hội đồng xét xử sẽ áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Hạnh với chị Oanh là phù hợp.

Con chung: Anh Hạnh, chị Oanh có 02 con chung là cháu Phạm Thị Ánh Quỳnh, sinh ngày 31/01/2005 và cháu Phạm Đức Duy, sinh ngày 05/4/2008. Quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa anh Hạnh, chị Oanh thỏa thuận giao cháu Quỳnh, cháu Duy cho anh Hạnh nuôi. Xem xét điều kiện của hai bên thấy rằng: Chị Oanh hiện đang đi ở nhờ mà chưa có chỗ ở ổn định, mức thu nhập thấp nên có khó khăn cho việc nuôi con, thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng các con còn có hạn chế. Về điều kiện kinh tế của anh Hạnh đi làm thợ xây, thu nhập cơ bản đủ nuôi con. Hơn nữa, anh Hạnh là con trai duy nhất trong gia đình nên có sự giúp đỡ về chỗ ở và sự hỗ trợ từ bố mẹ đẻ sẽ thuận lợi hơn cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung. Tuy hai cháu Phạm Thị Ánh Quỳnh và cháu Phạm Đức Duy mong muốn được ở với chị Oanh nhưng xét về điều kiện chỗ ở, kinh tế và môi trường sống ổn định của các cháu theo quy định khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao cháu Quỳnh, cháu Duy cho anh Hạnh trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý. Vì vậy, cần ghi nhận sự thỏa thuận của anh Hạnh, chị Oanh về việc nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh Hạnh không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chị Oanh cho đến khi có yêu cầu mới hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Chị Oanh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Tài sản chung: Anh Hạnh và chị Oanh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức, nợ: Anh Hạnh và chị Oanh xác định không có, do đó Hội đồng xét xử không phải xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Văn Hạnh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn của anh Phạm Văn Hạnh.

- Anh Phạm Văn Hạnh được ly hôn chị Nguyễn Thị Oanh.

- Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của hai bên, giao con chung là cháu Phạm Thị Ánh Quỳnh, sinh ngày 31/01/2005 và cháu Phạm Đức Duy, sinh ngày 05/4/2008 cho anh Phạm Văn Hạnh nuôi cho đến khi cháu Quỳnh, cháu Duy đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Anh Phạm Văn Hạnh không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Nguyễn Thị Oanh cho đến khi anh Hạnh có yêu cầu mới hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Chị Nguyễn Thị Oanh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Tài sản chung: Anh Phạm Văn Hạnh và chị Nguyễn Thị Oanh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về công sức, nợ chung: Không có nên không phải giải quyết.

2. Về án phí: Anh Phạm Văn Hạnh phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005626 ngày 07/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đan Phượng;
- CCTHADS huyện Đan Phượng;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Lập;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Duy Hưng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**